TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày 30 tháng 10 năm 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ;

Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986;

Hộ khẩu thường trú: Khu hành chính 17, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 508, nhà 11T1, chung cư VXM, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Trần Duy H1, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu hành chính 7, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể trường trung cấp kỹ thuật TTG (khu tập thể 500), tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 6 năm 2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Duy H1 ngày 04/10/2009, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện LT, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở tại phòng 508, nhà 11T1, chung cư VXM thuộc phường L, thành phố V. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến tháng 6/2016 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày và nuôi dạy con. Chị H đã làm đơn xin ly hôn anh H1 tại Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án đã thụ lý giải quyết, song do bạn bè và người thân động viên nên chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Sau khi rút đơn được một tháng thì anh H1 có thay đổi, H1 sau đó thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 9/2017 vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm cho đến nay. Hiện mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ của anh H1 tại chung cư VXM, còn anh H1 đang ở tại khu tập thể 500, phường K, thành phố V. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Duy H1.

Bị đơn anh Trần Duy H1 trình bày: Anh xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H trình bày là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Chị H, anh H1 xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần H G, sinh ngày 05/9/2011 và cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 15/11/2014. Khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, anh H1 đề nghị nuôi cháu Q, để chị H nuôi cháu G, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung; công nợ; công sức: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thu nhập: Anh H1 trình bày hiện anh là giám đốc Công ty cổ phần xây dựng dân dụng và công nghiệp PH, thu nhập trung bình khoảng 20.000.000đ/ tháng. Chị H là cán bộ tại Trung tâm Công nghệ thông tin TN và MT - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ/ tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu và có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các

Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí lệ phí. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Duy H1; xử về con chung: Giao cháu Trần Hương G, sinh ngày 05/9/2011 và cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 15/11/2014 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu Tòa án giải quyết; về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình (tranh chấp về ly hôn và quyền nuôi con) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Duy H1 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, do vậy là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nuôi dạy con. Năm 2016 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh H1, sau đó được gia đình và bạn bè động viên nên chị đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi rút đơn, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, từ tháng 9/2017 chị H,và anh H1 sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm cho đến nay. Tại phiên tòa chị H và anh H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh H1 đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn của chị H và anh H1 là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H, anh H1 có hai con chung là cháu Trần H G, sinh ngày 05/9/2011 và cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 15/11/2014, hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G và cháu Q, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 đề nghị nuôi cháu Q để chị H nuôi cháu G, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét yêu cầu nuôi con của anh H1 thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 9/2017) anh H1 bỏ mặc cho chị H nuôi con, không quan tâm chăm sóc con chung,tháng 7 năm 2018 khi cháu G bị ngã gãy chân, gia đình thông báo cho anh

H1 biết nhưng anh cũng không đến thăm và chăm sóc cháu. Hiện nay chị H đang ở cùng với bố mẹ của anh H1 nhưng anh cũng không đến thăm bố mẹ. Điều đó thể hiện việc thiếu quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm của anh H1 đối với con chung. Đối với cháu Q hiện còn nhỏ đang ở lứa tuổi mẫu giáo cần nhiều thời gian để chăm sóc, dạy dỗ, trong khi đó anh H1 làm nghề xây dựng hay phải đi sớm, về muộn, không có thời gian để chăm sóc con. Về chỗ ở của anh H1 hiện nay vừa là nơi ở và làm việc của Công ty nên không thuận tiện trong việc nuôi dưỡng và giáo dục con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H thì thấy: Tòa án đã lấy lời khai của cháu G nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Đối với cháu Q hiện nay còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ để cháu được phát triển toàn diện về mọi mặt. Chị H có công việc và thu nhập ổn định, có thời gian để chăm sóc và nuôi dạy con. Về chỗ ở của chị H đảm bảo điều kiện cho việc nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì vậy cần giao cháu G và cháu Q cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh H1 có quyền thăm nom chăm sóc con chung chị H không được cản trở.

[5] Về tài sản chung; công nợ; công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết theo nguyên tắc quyền quyết định và định đoạt của đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Duy H1.

2. Xử về con chung: Giao cháu Trần Hương G, sinh ngày 05/9/2011 và cháu Trần Nhật Q, sinh ngày 15/11/2014 cho chị H tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Duy H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; công nợ; công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ

theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0004491 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đã Ký

Nguyễn Thị Đường

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân TP V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự ;
- UBND xã V L, huyện L, tỉnh Phú Thọ (ĐKKH ngày 04/10/2009;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.